

Bản án số: 159/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng Vân

Bà Lý Quế Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Huê - Thư ký Toà án nhân dân khu vực I - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I- Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực I - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Kim O- sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đàm Minh T- sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường P, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2026 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị Kim O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đàm Minh T kết hôn ngày 16/5/2024, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cao Bằng, (*nay là Ủy ban nhân dân phường P*), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, nhiều lần gia đình và bản thân hai vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Hiện nay, chị và anh T đã ly thân từ tháng 3/2026. Trong thời gian ly thân, chị và anh T vẫn liên lạc, tuy nhiên giữa hai người chỉ trao đổi về những vấn đề liên quan đến con cái. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được và yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung là cháu Đàm Phương A (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 11/6/2024. Hiện nay con chung đang sống cùng mẹ. Sau khi ly hôn, chị O đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định hai vợ chồng có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đàm Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị Kim O kết hôn ngày kết hôn ngày 16/5/2024 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cao Bằng, (*nay là Ủy ban nhân dân phường P*), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2025. Mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân chủ yếu từ việc chị O công tác tại Lạng Sơn, anh sinh sống và làm việc tại Cao Bằng. Do khoảng cách địa lý nên vợ chồng không có nhiều thời gian dành cho nhau, xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng, có thể tiếp tục sống chung được và không nhất trí ly hôn.

Về con chung, anh T xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Đàm Phương A (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 11/6/2024. Hiện nay con chung đang sống cùng mẹ. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T nhất trí để chị O được trực tiếp nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định hai vợ chồng có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Nông Thị Kim O được ly hôn anh Đàm Minh T.

Về con chung: Giao cháu Đàm Phương A (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 11/6/2024 cho chị Nông Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đàm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác nhận có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí, quyền kháng cáo: Các bên đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, bị đơn anh Đàm Minh T cư trú tại tổ dân phố C, phường P, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1-Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nông Thị Kim O và anh Đàm Minh T kết hôn ngày 16/5/2024, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cao Bằng, (*nay là Ủy ban nhân dân phường P*), tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thấu hiểu, thông cảm cho nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình và bản thân hai vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chị O, anh T đã ly thân từ tháng 3/2026. Nay chị O xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Đối với yêu cầu được ly hôn của chị O, anh T không nhất trí vì anh xác định mâu thuẫn chưa trầm trọng, có thể hàn gắn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân không chỉ là quan hệ mang tính pháp lý mà còn là quan hệ tình cảm giữa hai người với nhau. Qua nghiên cứu hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị O và anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân. Trong thời gian đó, anh T có liên lạc với chị O nhưng giữa hai người chỉ trao đổi những vấn đề liên quan đến con cái, chưa có những biện pháp cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng tích cực và hiệu quả. Anh T, chị O đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị O.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Đàm Phương A (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 11/6/2024. Hiện nay con chung đang sống cùng mẹ. Tại phiên tòa, chị O và anh T đều thống nhất, trong T hợp ly hôn, con chung sẽ do chị O trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị O có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian cũng như nơi ở ổn định để nuôi con chung. Cháu Phương A con nhỏ, cần thiết có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; mặt khác từ thời điểm hai vợ chồng ly thân đến nay, chị O là người trực tiếp nuôi con và vẫn đảm bảo tốt cuộc sống cho cháu. Vì vậy, việc các đương sự thống nhất giao con chung cho chị Nông Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho các đương sự về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con sau ly hôn. Tuy nhiên, chị O vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện của chị O, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị O và anh T đều xác nhận hai vợ chồng có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Nông Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn để sung công quỹ nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Kim O. Xử cho chị Nông Thị Kim O được ly hôn anh Đàm Minh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Đàm Phương A (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 11/6/2024, nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn cho chị Nông Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Các bên đương sự đều xác nhận có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nông Thị Kim O phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị O đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000210 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng (*nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Cao Bằng*).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 1 - Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoài Anh